

## KẾ HOẠCH

### Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện 5 năm triển khai Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020"

Thực hiện Công văn số 1347/BGDĐT-GD&ĐT ngày 09/4/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Kiểm tra, đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020" (gọi tắt là Đề án 89), Sở Giáo dục và Đào tạo-Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo Xây dựng xã hội học tập (XDXHHT) tỉnh ban hành Kế hoạch Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Đề án 89, cụ thể như sau:

1. Xây dựng báo cáo kết quả 5 năm triển khai Đề án 89 (theo đề cương gửi kèm).

2. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Hội Khuyến học, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thành lập đoàn công tác, kiểm tra việc triển khai Đề án 89 tại một số đơn vị huyện, thị xã, thành phố. Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Phòng GD&ĐT phối hợp với Hội Khuyến học huyện, các phòng ban liên quan xây dựng báo cáo theo yêu cầu; chuẩn bị hồ sơ có liên quan đến việc triển khai xây dựng xã hội học tập tại địa phương, bố trí thời gian, địa điểm làm việc với Đoàn kiểm tra.

#### *Nội dung và thời gian kiểm tra*

##### 2.1. Nội dung kiểm tra

+ Đối với Ban chỉ đạo cấp huyện: kiểm tra công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai Kế hoạch 642/KH-UBND ngày 11/3/2014 đã được UBND tỉnh ban hành để thực hiện Đề án 89; công tác tuyên truyền về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập đối với các ban ngành đoàn thể trong huyện, xã, người dân; sự tham gia của các thiết chế văn hóa giáo dục ngoài nhà trường như thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa; kết quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng; kết quả xây dựng các mô hình học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị học tập; kết quả triển khai đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã; các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; các đề xuất, kiến nghị.

+ Đối với Ban chỉ đạo cấp xã: kiểm tra công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai Kế hoạch đã được UBND huyện ban hành để thực hiện Đề án 89; Công tác tuyên truyền về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập đối với người dân trong xã; đánh giá kết quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng theo công văn số 900/GDĐT-GD&ĐT ngày 11/6/2015 của Sở GD&ĐT; việc hỗ trợ phụ cấp kiêm nhiệm cho Ban giám đốc TTHTCD cấp xã theo



Quyết định 2563/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh; Việc bố trí giáo viên biệt phái làm việc tại TTHTCĐ theo văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và CV chỉ đạo của UBND tỉnh số 5185/UBND-VX ngày 06/12/2016; Việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện Đề án 89 hỗ trợ hoạt động của TTHTCĐ; kết quả xây dựng các mô hình học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị học tập; kết quả triển khai đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã; các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; các đề xuất, kiến nghị.

## 2.2 Thời gian kiểm tra, lịch kiểm tra

Đoàn sẽ tổ chức kiểm tra từ ngày 06/11/2018 đến ngày 14/11/2018. Mỗi huyện làm việc 1 ngày, cụ thể như sau:

| Thời gian                   | Cách thức làm việc   | Thành phần   |
|-----------------------------|--|--|
| Buổi sáng<br>8h00 - 11h30   | Làm việc với Ban chỉ đạo, ban điều hành XDXHHT cấp xã tại 2 xã do UBND huyện lựa chọn. | - BCĐ cấp xã, Ban Giám đốc TTHTCĐ và đại diện các đơn vị đoàn thể liên quan;<br>- Đại diện BCĐ cấp huyện, phòng GD&ĐT, Hội Khuyến học cấp huyện, cấp xã;<br>- Đoàn kiểm tra. |
| Buổi chiều<br>14h00 - 17h00 | Làm việc với Ban chỉ đạo XDXHHT cấp huyện. Tại văn phòng UBND huyện.                   | - BCĐ cấp huyện, phòng GD&ĐT, Hội Khuyến học cấp huyện, các phòng ban liên quan.<br>- Đoàn kiểm tra.   |

### Danh sách các đơn vị huyện dự kiến được kiểm tra và lịch kiểm tra

| STT | Đơn vị được kiểm tra | Thời gian kiểm tra | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------|---------|
| 1   | Huyện Gio Linh       | Ngày 06/11/2018    |         |
| 2   | Thành phố Đông Hà    | Ngày 07/11/2018    |         |
| 3   | Huyện Hải Lăng       | Ngày 08/11/2018    |         |
| 4   | Thị xã Quảng Trị     | Ngày 09/11/2018    |         |
| 5   | Huyện Hướng Hóa      | Ngày 13/11/2018    |         |
| 6   | Huyện Đào Cồn Cỏ     | Ngày 14/11/2018    |         |

### 3. Công tác chuẩn bị

Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã gửi báo cáo kết quả 5 năm triển khai Đề án 89 về Sở Giáo dục và Đào tạo (Qua phòng Giáo dục thường xuyên – Chuyên nghiệp), địa chỉ Email: [gdtxgdcnsgd@quangtri.gov.vn](mailto:gdtxgdcnsgd@quangtri.gov.vn) trước ngày **05/11/2018**.

\* Đối với các huyện được kiểm tra:

- Chuẩn bị báo cáo cho thành viên đoàn kiểm tra;
- Chuẩn bị Hồ sơ minh chứng:

+ Văn bản chỉ đạo của trung ương, của tỉnh về thực hiện Đề án 89, các Đề án thành phần;


+ Văn bản chỉ đạo của UBND huyện, xã về thực hiện Đề án 89 và các Đề án thành phần;

+ Các Báo cáo về thực hiện Đề án 89 các năm 2015, 2016, 2017.


+ Các biên bản kiểm tra, đánh giá thực hiện Đề án 89 và Đề án thành phần mà địa phương đã thực hiện.

+ Hồ sơ khen thưởng (nếu có).

Thông tin chi tiết xin liên hệ với Bà Đặng Thị Minh Thi, Phụ trách phòng GDTX-CN Sở Giáo dục và Đào tạo, điện thoại 0915934698.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020 của tỉnh Quảng Trị. Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã quan tâm chỉ đạo thực hiện; đề nghị các sở, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể liên quan phối hợp tổ chức thực hiện đúng thời gian, đảm bảo chất lượng. 

**Nơi nhận:**

- Thành viên đoàn kiểm tra;
- Giám đốc, các Phó GD;
- BCD XDXHHT huyện, thị xã, TP;
- Phòng GD&ĐT huyện, thị xã, TP;
- Hội Khuyến học các huyện, thị xã, TP;
- Phòng GDTX-CN Sở GD&ĐT;
- Lưu VT. 

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Xuân Thủy**



**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO THỰC HIỆN**  
**ĐỀ ÁN “XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2012 -2020”**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 1856 /KH-BCĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2018 của*  
*Sở Giáo dục và Đào tạo)*

**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**I. Công tác chỉ đạo điều hành**

- Các VB chỉ đạo của cấp huyện, thị xã, thành phố đã ban hành, chỉ đạo, điều hành thực hiện Đề án 89.
- Đánh giá hoạt động của Ban chỉ đạo (cấp huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn).

**II. Kết quả thực hiện các hoạt động của Đề án 89 và các Đề án thành phần**

**1. Kết quả thực hiện Đề án 89**

1.1 Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của việc xây dựng xã hội học tập.

1.2 Cung cấp tài liệu học tập cho các cơ sở giáo dục.

1.3 Sự phối hợp của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội ở địa phương

1.4 Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; sổ lớp đã mở, số người tham gia).

1.5 Kết quả thực hiện các mục tiêu của Đề án

a) Kết quả học tập nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ

- Số cán bộ, công chức, viên chức tham gia chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, tỷ lệ.

- Số cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2 và bậc 3, tỷ lệ. (Bậc 2 ứng với chứng chỉ sơ cấp A2, bậc 3 ứng với chứng chỉ trung cấp B1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12 /2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng anh thực hành).

- Số người lao động đã và đang tham gia học tập nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ tại các cơ sở' giáo dục, tỷ lệ.

b) Kết quả học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề

- Đối với cán bộ công chức cấp tỉnh, cấp huyện:

+ Số cán bộ công chức cấp huyện được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định; tỷ lệ.

+ Số cán bộ công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp huyện được đào tạo bồi dưỡng theo chương trình quy định ;

+ Số cán bộ công chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm.tỷ lệ.

- Đối với cán bộ công chức cấp xã:

+ Số cán bộ công chức được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc; tỷ lệ.

+ Số cán bộ công chức cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định; tỷ lệ.



+ Số cán bộ công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm; tỷ lệ.

- Đối với lao động nông thôn

+ Số người tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại các trung tâm học tập cộng đồng và các thiết chế văn hóa giáo dục khác; Tỷ lệ.

- Đối với công nhân lao động

+ Số công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn trung học phổ thông hoặc tương đương; Tỷ lệ.

+ Số công nhân lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn; Tỷ lệ.

+ Số công nhân qua đào tạo nghề; Tỷ lệ.

c) Kết quả giáo dục kỹ năng sống

- Số cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện có tổ chức dạy kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên, người lao động; tỷ lệ.

- Số học sinh, sinh viên, người lao động đã được học kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục (thông qua các môn học, thông qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, thông qua các lớp dạy kỹ năng cơ bản...). Tỷ lệ.

1.6 những khó khăn trong quá trình triển khai, đề xuất, kiến nghị.

## **2. Kết quả thực hiện các Đề án thành phần**

### **2.1 Kết quả thực hiện “Đề án Xóa mù chữ đến năm 2020” (Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ).**

- Việc củng cố và kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các cấp;

- Ban hành kế hoạch triển khai Đề án (số kế hoạch, ngày tháng năm ban hành);

- Kết quả thực hiện mục tiêu Đề án:

+ Số người trong độ tuổi từ 15- 60 tham gia các lớp xóa mù chữ. Trong đó người dân tộc thiểu số tham gia các lớp xóa mù chữ.

+ Số người trong độ tuổi từ 15- 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ theo các mức độ; tỷ lệ.

+ Số người mới biết chữ tiếp tục tham gia học tập với nhiều hình thức khác nhau nhằm củng cố vững chắc kết quả biết chữ; tỷ lệ.

+ Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn xóa mù chữ, mức độ; tỷ lệ.

+ Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn xóa mù chữ, mức độ; tỷ lệ.

- Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị.

### **2.2 Kết quả thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ” (Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ)**

- Ban hành kế hoạch triển khai Đề án (số kế hoạch, ngày tháng năm ban hành);

- Kết quả thực hiện mục tiêu Đề án:

+ Số thư viện cấp huyện tổ chức cung cấp dịch vụ truy cập Internet miễn phí, tỷ lệ.

+ Số thư viện cấp huyện tổ chức các lớp hướng dẫn, cập nhật kỹ năng, kiến thức cần thiết cho lực lượng lao động ở địa phương; tỷ lệ.



+ Số thư viện cấp xã tổ chức cung cấp dịch vụ truy cập Internet miễn phí, tỷ lệ.  
+ Số lượt người trong các năm (2014, 2015, 2016, 2017) sử dụng thư viện công cộng, Tỷ lệ người dân sử dụng thư viện công cộng phục vụ nhu cầu nâng cao hiểu biết (so với số dân).

+ Tỷ lệ người dân tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch phục vụ cho mục đích học tập, nâng cao hiểu biết.

- Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị.

**2.3 Kết quả thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” (Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/2/2014 của Thủ tướng Chính phủ)**

- Ban hành kế hoạch triển khai Đề án (số kế hoạch, ngày tháng năm ban hành);

- Các văn bản chỉ đạo của địa phương;

- Các Hội nghị đã tập huấn/triển khai và số lượng người tập huấn;

- Công tác tuyên truyền;

- Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành đoàn thể, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cá nhân...(các văn bản ký kết phối hợp nếu có);

- Kết quả thực hiện mục tiêu Đề án:

+ Số lượng các gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị đã đăng ký và đạt danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” năm 2017; tỷ lệ.

+ Nhận thức của các cấp lãnh đạo, các ban, ngành đoàn thể và sự hưởng ứng của người dân đối với mô hình;

+ Tác động của các mô hình đối với việc khuyến khích phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng; đối với việc xây dựng nông thôn mới; xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư...

- Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị.

**2.4 Kết quả thực hiện Đề án “Truyền thông về xây dựng XHHT”(Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ)**

- Ban hành kế hoạch triển khai Đề án (số kế hoạch, ngày tháng năm ban hành);

- Các văn bản chỉ đạo của địa phương;

- Công tác tuyên truyền, truyền thông; Biên soạn tài liệu tuyên truyền;

- Các Hội nghị đã tập huấn/triển khai và số lượng người tập huấn;

- Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị.

**2.5 Kết quả thực hiện Đề án “Truyền thông về xây dựng XHHT”(Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ)**

- Ban hành kế hoạch triển khai Đề án (số kế hoạch, ngày tháng năm ban hành);

- Kết quả thực hiện mục tiêu Đề án:

+ Số công nhân lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn được tham gia học tập để có trình độ trung học phổ thông hoặc tương đương; Tỷ lệ.

+ Số CNLĐ có tay nghề cao; Tỷ lệ.

+ Số CNLĐ được đào tạo lại; Tỷ lệ.

- + Số CNLD được học tập và bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học; tỷ lệ
- + Số CNLD được học tập về một số kỹ năng phục vụ đời sống, sức khỏe, ....: tỷ lệ
- Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị.

**2.6 Kết quả thực hiện Đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020”(Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ)**

- Ban hành kế hoạch triển khai Đề án (số kế hoạch, ngày tháng năm ban hành);
- Kết quả thực hiện mục tiêu Đề án:
  - + Số cơ sở giáo dục của tỉnh có cung cấp chương trình giáo dục từ xa cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân; tỷ lệ
  - + Số cơ sở giáo dục thường xuyên có cung cấp chương trình giáo dục từ xa cấp chứng chỉ, chương trình phổ biến kiến thức; tỷ lệ
  - + Số cơ sở giáo dục có đầu tư và sử dụng công nghệ đào tạo từ xa tiên tiến để triển khai các chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng; tỷ lệ
  - + Số cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo từ xa được bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng về đào tạo từ xa; tỷ lệ
- Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị.

**B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN (tại thời điểm báo cáo)**

1. Ưu điểm
2. Tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế
4. Bài học kinh nghiệm

**C. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TRONG GIAI ĐOẠN 2018-2020**

**D. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT**

**Lưu ý:** Mục 2.5, 2.6 (trang 3 và 4) nội dung nào không trả lời được thì để nguyên.

-----